

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức các lớp học phần có số lượng đăng ký dưới 20 sinh viên trong học kỳ 2, năm học 2025 - 2026

Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy và số lượng sinh viên đăng ký tín chỉ học kỳ 2, năm học 2025 - 2026, Hiệu trưởng thông báo cho lãnh đạo các khoa về việc cho phép tổ chức các lớp học phần có số lượng đăng ký dưới 20 sinh viên (các học phần khóa luận tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp, lớp có số lượng sinh viên ít, ...) (phụ lục kèm theo).

Yêu cầu Trưởng các khoa thông báo cho các giảng viên, cố vấn học tập và sinh viên được biết các thông tin trên.

Yêu cầu Lãnh đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các khoa (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Trung tâm CNTT&TV (đưa lên website);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN VĂN NAM

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC LỚP HỌC PHẦN CÓ SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÍ DƯỚI 20 SINH VIÊN
TRONG HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Thông báo số /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Khoa	Lớp	Tên học phần	Số lượng SV đăng kí	Số lượng SV Lớp
1	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20A (54)	Thực hành Nội bệnh lý 3 (0.0/2.0)	17	54
2	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20A (54)	Thực hành Ngoại bệnh lý 2 (0.0/2.0)	6	54
3	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20A (54)	Thực hành Nhi 2 (0.0/3.0)	17	54
4	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20A (54)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	2	54
5	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20A (54)	Thực hành Phụ sản 3 (0.0/3.0)©	18	54
6	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20A (54)	Thực hành Nhi 3 (0.0/3.0)©	1	54
7	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20B (62)	Thực hành Nhi 2 (0.0/3.0)	18	62
8	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20B (62)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	18	62
9	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20B (62)	Thực hành Phụ sản 3 (0.0/3.0)©	16	62
10	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20B (62)	Thực hành Nhi 3 (0.0/3.0)©	18	62
11	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20C (68)	Thực hành Nội bệnh lý 3 (0.0/2.0)	19	68
12	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20C (68)	Thực hành Phụ sản 3 (0.0/3.0)©	19	68
13	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20C (68)	Thực hành Nhi 3 (0.0/3.0)©	12	68
14	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20D (56)	Thực hành Phụ sản 2 (0.0/3.0)	18	56
15	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20D (56)	Thực hành Nhi 2 (0.0/3.0)	19	56
16	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20D (56)	Thực hành Truyền nhiễm 2 (0.0/2.0)	18	56
17	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20D (56)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	13	56
18	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20D (56)	Thực hành Phụ sản 3 (0.0/3.0)©	18	56
19	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K20D (56)	Thực hành Nhi 3 (0.0/3.0)©	8	56
20	KHOA Y DƯỢC	Điều dưỡng K22 (24)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	8	24
21	KHOA Y DƯỢC	Điều dưỡng K22 (24)	Điều dưỡng phụ sản TH (0.0/4.0)©	18	24
22	KHOA Y DƯỢC	Điều dưỡng K22 (24)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	18	24
23	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K22 (13)	Thực tập sư phạm (0.0/5.0)	13	13

24	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K22 (13)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	11	13
25	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K22 (13)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	2	13
26	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K22 (13)	Giai cấp và nhà nước (1.0/0.0)©	2	13
27	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K22 (13)	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội (1.0/0.0)	4	13
28	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K22 (13)	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình	3	13
29	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K22 (13)	Chủ nghĩa tư bản hiện đại (1.0/0.0)©	4	13
30	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K22 (7)	Triết học chính trị (2.0/0.0)©	2	7
31	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K22 (7)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	4	7
32	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K22 (7)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	1	7
33	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K22 (7)	Thực tập cuối khóa (0.0/4.0)	6	7
34	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K22 (7)	Toàn cầu hóa dưới góc nhìn triết học (2.0/0.0)©	2	7
35	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K23 (16)	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lê	15	16
36	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K23 (16)	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc t	16	16
37	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K23 (16)	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 (1.0/1.0)	16	16
38	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K23 (16)	Hiến pháp và định chế chính trị (2.0/0.0)	16	16
39	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K23 (16)	Giáo dục pháp luật ở trường THPT (2.0/1.0)	16	16
40	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K23 (6)	Tác phẩm kinh điển triết học Mác-Ăngghen (2.0/	5	6
41	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K23 (6)	Triết học phương Tây hiện đại (2.0/0.0)	7	6
42	KHOA SƯ PHẠM	Sư phạm Ngữ văn K22 (41)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	9	41
43	KHOA SƯ PHẠM	Sư phạm Ngữ văn K22 (41)	Cơ sở ngôn ngữ và Tiếng Việt (2.0/0.0)©	11	41
44	KHOA SƯ PHẠM	Sư phạm Ngữ văn K22 (41)	Văn học dân gian (2.0/0.0)©	7	41
45	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục thể chất K22 (31)	Khóa luận tốt nghiệp (7.0/0.0)©	18	31
46	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục thể chất K22 (31)	Chuyên đề tốt nghiệp (3.0/0.0)©	12	31
47	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục thể chất K22 (31)	Chuyên đề về Lý luận thể dục thể thao (2.0/0.0)©	13	31
48	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục thể chất K22 (31)	Chuyên đề về Sinh lý học thể dục thể thao (2.0/0.0)	12	31
49	KHOA SƯ PHẠM	Văn học K22 (26)	Cơ sở Ngôn ngữ và tiếng Việt (3.0/0.0)©	17	26
50	KHOA SƯ PHẠM	Văn học K22 (26)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	9	26
51	KHOA SƯ PHẠM	Văn học K22 (26)	Văn học Việt Nam hiện đại (3.0/0.0)©	17	26
52	KHOA SƯ PHẠM	Văn học K22 (26)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	15	26
53	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục tiểu học K22 (55)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	13	55
54	KHOA SƯ PHẠM	GD tiểu học-Tiếng Jrai K22 (28)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	14	28
55	KHOA SƯ PHẠM	GD tiểu học-Tiếng Jrai K22 (28)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	12	28

56	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục thể chất K23 (19)	Chuyên đề bóng đá 2 (0.0/3.0)©	19	19
57	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục thể chất K23 (19)	Trò chơi vận động (0.5/1.5)©	19	19
58	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục Tiểu học K2025A (78)	Toán học 2 (2.0/0.0)	19	78
59	KHOA Y DƯỢC	Điều dưỡng K22 (24)	Chuyên đề điều dưỡng ngoại (1.0/0.0)©	18	24
60	KHOA Y DƯỢC	Điều dưỡng K22 (24)	Chuyên đề điều dưỡng phụ sản (1.0/0.0)©	18	24
61	KHOA Y DƯỢC	Điều dưỡng K22 (24)	Chuyên đề điều dưỡng nhi (1.0/0.0)©	18	24
62	KHOA Y DƯỢC	Kỹ thuật xét nghiệm y học K22 (35)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	8	35
63	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K22 (8)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	3	8
64	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K22 (8)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	4	8
65	KHOA KINH TẾ	Kế toán K22 (54)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	19	54
66	KHOA KINH TẾ	Kế toán-Kiểm toán K22 (35)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	19	35
67	KHOA KINH TẾ	Kế toán-Kiểm toán K22 (35)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	13	35
68	KHOA KINH TẾ	Tài chính-Ngân hàng K22 (40)	Tài chính doanh nghiệp nâng cao (2.0/0.0)©	14	40
69	KHOA KINH TẾ	Tài chính-Ngân hàng K22 (40)	Tín dụng ngân hàng (1.6/0.4)©	12	40
70	KHOA KINH TẾ	Tài chính-Ngân hàng K22 (40)	Tài trợ thương mại quốc tế (2.0/0.0)©	14	40
71	KHOA KINH TẾ	Tài chính-Ngân hàng K22 (40)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	10	40
72	KHOA KINH TẾ	Kinh tế K22A (38)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	17	38
73	KHOA KINH TẾ	Kinh tế K22A (38)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	19	38
74	KHOA KINH TẾ	Kinh tế K22B (45)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	17	45
75	KHOA KINH TẾ	Kinh doanh thương mại K22 (36)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	11	36
76	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K22 (22)	Kinh tế đầu tư (2.0/0.0)©	15	22
77	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K22 (22)	Dự án kinh tế phát triển (2.0/0.0)©	15	22
78	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K22 (22)	Hệ thống tài khoản quốc gia (2.0/0.0)©	15	22
79	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K22 (22)	Kinh tế tài nguyên và môi trường (3.0/0.0)©	19	22
80	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K23 (6)	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh (2.0/0.0)	7	6
81	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Triết học K23 (6)	Lịch sử phép biện chứng Mác-xít (3.0/0.0)	6	6
82	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K2024 (19)	Chủ nghĩa xã hội hiện thực (1.0/0.0)©	19	19
83	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K2024 (19)	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân (1.0/0.0)	19	19
84	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K2024 (19)	Giáo dục gia đình (2.0/0.0)	19	19
85	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K2024 (19)	Phương pháp nghiên cứu khoa học (1.5/0.5)	19	19
86	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K2025 (18)	Đạo đức học Mác-Lênin (2.0/0.0)	19	18
87	KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ	Giáo dục chính trị K2025 (18)	Quan hệ quốc tế (2.0/0.0)	19	18

88	KHOA NGOẠI NGỮ	Sư phạm Tiếng Anh K22 (55)	Khóa luận tốt nghiệp (7.0/0.0)©	6	55
89	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K22A (55)	Khóa luận tốt nghiệp (10.0/0.0)©	4	55
90	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K22B (58)	Khóa luận tốt nghiệp (10.0/0.0)©	5	58
91	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K22 (22)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	14	22
92	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K22 (22)	Khoá luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	7	22
93	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K23 (14)	Xây dựng dự án phát triển nông thôn (2.0/0.0)©	14	14
94	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K23 (14)	Phát triển nông thôn (1.5/0.5)	13	14
95	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K23 (14)	Thực tập nghề nghiệp 1 (0.0/2.0)	14	14
96	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K23 (14)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2.0/0.0)	18	14
97	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K23 (14)	Lâm nghiệp xã hội (2.0/0.0)©	14	14
98	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K23 (14)	Kinh tế đất (1.5/0.5)©	16	14
99	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K23 (25)	Tiếng anh ứng dụng trong kinh tế (3.0/0.0)	16	25
100	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Toán học K22 (46)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	11	46
101	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Toán học K22 (46)	Một số vấn đề hiện đại về hình học ở phổ thông (	15	46
102	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K22 (15)	Cơ sở vật liệu học (2.0/0.0)©	7	15
103	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K22 (15)	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Vậ	7	15
104	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K22 (15)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	8	15
105	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K22 (15)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	3	15
106	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K22 (15)	Thực tập sư phạm (0.0/5.0)	15	15
107	KHOA KHTN&CN	Công nghệ thông tin K22 (54)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	17	54
108	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa K22 (14)	Thực tập sư phạm (0.0/5.0)	14	14
109	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa K22 (14)	Động học điện hóa và ứng dụng (2.0/0.0)©	1	14
110	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa K22 (14)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	13	14
111	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa K22 (14)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	2	14
112	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa K22 (14)	Xử lý nước thải bằng phương pháp hóa lý (2.0/0.0)	2	14
113	KHOA KHTN&CN	SP KHTN K2022 (16)	Một số vấn đề vật lý hiện đại (2.0/0.0)©	9	16
114	KHOA KHTN&CN	SP KHTN K2022 (16)	Một số vấn đề sinh học hiện đại (2.0/0.0)©	8	16
115	KHOA KHTN&CN	SP KHTN K2022 (16)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	7	16
116	KHOA KHTN&CN	SP KHTN K2022 (16)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	6	16
117	KHOA KHTN&CN	SP KHTN K2022 (16)	Thực tập sư phạm (0.0/5.0)	16	16
118	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	6	9
119	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	2	9

120	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Phương tiện dạy học (2.0/0.0)©	7	9
121	KHOA NÔNG NGHIỆP	Thú y K21A (63)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	10	63
122	KHOA NÔNG NGHIỆP	Thú y K21B (69)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	17	69
123	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K22 (16)	Đánh giá đất đai (1.5/0.5)	16	16
124	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K22 (16)	Canh tác học và quản lý cỏ dại (1.5/0.5)	16	16
125	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K22 (16)	Cây cao su (2.0/1.0)	16	16
126	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K22 (16)	Cây tiêu (1.5/0.5)	12	16
127	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K22 (16)	TTGT Cây cao su, cà phê, chè (0.0/3.0)	16	16
128	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K22 (16)	Thực tập Rèn nghề tổng hợp (0.0/4.0)	16	16
129	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K22 (5)	Quản lý chất lượng thức ăn (2.0/0.0)©	5	5
130	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K22 (5)	Chăn nuôi dê, cừu (2.0/0.0)©	10	5
131	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K22 (5)	Hệ thống nông nghiệp (2.0/0.0)©	17	5
132	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K22 (6)	Quy hoạch và điều chế rừng (2.0/1.0)	6	6
133	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K22 (6)	TTGT Điều tra rừng, Quy hoạch và điều chế rừng	6	6
134	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K22 (6)	Khuyến nông lâm (1.5/0.5)	5	6
135	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K22 (6)	Dịch vụ sinh thái môi trường rừng (1.5/0.5)	6	6
136	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K22 (6)	Quản lý lưu vực (2.0/0.0)	6	6
137	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K22 (6)	Điều tra rừng (1.5/0.5)	6	6
138	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K22 (6)	Gỗ và công nghệ gỗ (2.5/0.5)	6	6
139	KHOA NÔNG NGHIỆP	Quản lý đất đai K22 (17)	Đánh giá số liệu phân tích đất (1.5/0.5)	18	17
140	KHOA NÔNG NGHIỆP	Quản lý đất đai K22 (17)	Quan hệ đất và cây trồng (1.5/0.5)©	15	17
141	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Sinh học (2.0/0.0)	7	9
142	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Thực tập sư phạm (0.0/5.0)	9	9
143	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (4)	Chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực sinh học	4	4
144	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (4)	Công nghệ nhà màng 4.0 (2.0/0.0)©	4	4
145	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (4)	Công nghệ sản xuất và chế biến nấm (1.0/1.0)©	4	4
146	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (4)	Nuôi cấy tế bào động vật (2.0/0.0)©	4	4
147	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (4)	Vi sinh môi trường (2.0/0.0)©	13	4
148	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (4)	Công nghệ sản xuất phân vi sinh (1.0/1.0)©	4	4
149	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (4)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	3	4
150	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (4)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	0	4
151	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K23 (19)	Điện động lực học (2.0/0.0)	19	19

152	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K23 (19)	Hạt cơ bản (2.0/0.0)©	19	19
153	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K23 (20)	Điện hóa học (2.0/0.0)	19	20
154	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K23 (18)	Sinh học phân tử (2.0/0.0)	18	18
155	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K23 (18)	Giáo dục giới tính và định hướng sức khỏe sinh s	19	18
156	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K23 (18)	Thực hành phương pháp dạy học sinh học (0.0/2.0)	18	18
157	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K23 (18)	Ứng dụng tin học trong giảng dạy sinh học (0.5/1.0)	18	18
158	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K23 (18)	Kỹ thuật dạy học sinh học (1.0/1.0)	18	18
159	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K23 (18)	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục	18	18
160	KHOA NÔNG NGHIỆP	Quản lý đất đai K22 (17)	Quy hoạch cảnh quan (1.5/0.5)	17	17
161	KHOA NÔNG NGHIỆP	Quản lý đất đai K22 (17)	Xử lý số liệu đo đạc (1.0/1.0)	16	17
162	KHOA NÔNG NGHIỆP	Quản lý đất đai K22 (17)	Phương pháp viễn thám trong theo dõi biến động	16	17
163	KHOA NÔNG NGHIỆP	Quản lý đất đai K22 (17)	Quản lý sản giao dịch bất động sản (1.5/0.5)	16	17
164	KHOA NÔNG NGHIỆP	Quản lý đất đai K22 (17)	Trồng trọt đại cương (2.0/0.0)©	15	17
165	KHOA NÔNG NGHIỆP	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Công nghệ rau quả (1.5/0.5)	7	7
166	KHOA NÔNG NGHIỆP	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản (1.5/0.5)©	7	7
167	KHOA NÔNG NGHIỆP	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Công nghệ chế biến sữa và trứng (1.5/0.5)©	6	7
168	KHOA NÔNG NGHIỆP	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Xử lý phế phụ phẩm trong công nghệ thực phẩm	6	7
169	KHOA NÔNG NGHIỆP	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Thực tập chuyên ngành (0.0/4.0)	7	7
170	KHOA NÔNG NGHIỆP	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Công nghệ enzyme (1.5/0.5)©	7	7
171	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K23 (14)	Khởi nghiệp (1.5/0.5)	13	14
172	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K23 (14)	Nông hóa (2.0/1.0)	11	14
173	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K23 (14)	TTGT Sâu bệnh hại (0.0/1.0)	14	14
174	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K23 (14)	Bảo quản nông sản (1.5/0.5)©	13	14
175	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K23 (14)	Côn trùng nông nghiệp (1.5/0.5)	13	14
176	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K23 (14)	Bệnh cây nông nghiệp (1.5/0.5)	15	14
177	KHOA NÔNG NGHIỆP	Khoa học cây trồng K23 (14)	Hệ thống nông nghiệp (1.5/0.5)	14	14
178	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K23 (7)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2.0/0.0)	17	7
179	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K23 (7)	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật (1.5/0.5)	4	7
180	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K23 (9)	Công nghệ lên men (2.0/1.0)	9	9
181	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K23 (9)	Quy hoạch thực nghiệm (2.0/0.0)©	12	9
182	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K23 (9)	Kiểm nghiệm vi sinh (1.0/2.0)	9	9
183	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K23 (9)	Kiểm nghiệm hóa thực phẩm (2.0/1.0)	9	9

184	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K2024 (19)	Thực hành Điện học (0.0/1.0)	19	19
185	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K2024 (19)	Vật lý nguyên tử và hạt nhân (2.0/0.0)	19	19
186	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K2024 (19)	Lí luận dạy học vật lý (3.0/0.0)	19	19
187	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K2024 (18)	Hóa phân tích định tính (2.0/0.0)	18	18
188	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K2024 (18)	Động học xúc tác (2.0/0.0)	19	18
189	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K2024 (18)	Hóa học phi kim (2.0/1.0)	18	18
190	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K2024 (20)	Phân loại thực vật (1.5/0.5)	18	20
191	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K2024 (20)	Sinh lý thực vật (2.5/0.5)	19	20
192	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K2024 (20)	Kỹ thuật di truyền (2.0/0.0)	19	20
193	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K2024 (23)	Công nghệ sinh học (2.0/0.0)	19	23
194	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K2024 (23)	Thực tập thiên nhiên (0.0/2.0)	18	23
195	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K2025 (19)	Thực hành Nhiệt học (0.0/1.0)	19	19
196	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K23 (7)	Thiết kế thí nghiệm (1.5/0.5)	16	7
197	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K23 (7)	Thực tập rèn nghề chăn nuôi (0.0/3.0)	6	7
198	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K23 (7)	Chăn nuôi Gia cầm (3.5/0.5)	7	7
199	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K23 (5)	Thống kê ứng dụng (1.5/0.5)	4	5
200	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K23 (5)	Tin học thống kê trong lâm nghiệp (1.0/1.0)	4	5
201	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K23 (5)	Lâm nghiệp xã hội (2.0/0.0)	4	5
202	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K23 (5)	Luật và chính sách lâm nghiệp (3.0/0.0)	4	5
203	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K23 (5)	TTGT Lâm nghiệp xã hội và Lâm sản ngoài gỗ (0.0/2.0)	4	5
204	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K23 (5)	Lâm sản ngoài gỗ (1.5/0.5)	4	5
205	KHOA NÔNG NGHIỆP	Chăn nuôi-Thú y K2024 (17)	Thức ăn chăn nuôi (1.5/0.5)	11	17
206	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K2024 (20)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2.0/0.0)	14	20
207	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K2024 (20)	Bản đồ và đo đạc lâm nghiệp (1.5/0.5)	14	20
208	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K2024 (20)	Cây rừng (2.5/0.5)	14	20
209	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K2024 (20)	TTGT Cây rừng, kỹ thuật lâm sinh (0.0/2.0)	14	20
210	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K2024 (20)	TTGT Bản đồ và viễn thám lâm nghiệp (0.0/2.0)	14	20
211	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K2024 (20)	Viễn thám và GIS đại cương (1.5/0.5)	14	20
212	KHOA NÔNG NGHIỆP	Lâm sinh K2024 (20)	Kỹ thuật lâm sinh (1.5/0.5)	14	20

Danh sách gồm 212 học phần.